TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2018/QĐST-HNGĐ	*Ngọc Hồi, ngày 18 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đinh Thanh Đ – Sinh năm 1965;

Bị đơn: Bà Đinh Thị T – Sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Ngân hàng Nô, Chi nhánh Ngân hàng huyện N, tỉnh K.

Địa chỉ: 04 Trần Hưng Đạo, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

2) Ngân hàng C, Phòng Giao dịch Ngân hàng huyện N, tỉnh K.

Địa chỉ: Hùng Vương, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

3) Hội cựu Chiến binh thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

4) Bà Đinh Thị D.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện D, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đinh Thanh Đ – Sinh năm 1965 và bà Đinh Thị T – Sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Thanh Đ và bà Đinh Thị T, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Đinh Thị T được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đinh Trọng N – Sinh ngày 16-9-2007 đến khi trưởng thành, tự lập được, ông Đinh Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung ông Đinh Thanh Đ và bà Đinh Thị T yêu cầu chia trị giá 1.299.500.000đ (Một tỷ hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: Tài sản hình thành từ công sức đóng góp là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); Nợ chung là 599.500.000đ (Năm trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Đ và bà T thỏa thuận chia như sau:

Bà Đinh Thị T thừa hưởng toàn bộ tài sản chung là hiện vật mà ông Đ và bà T kê khai yêu cầu để chia, bà T phải thanh toán cho ông Đ tổng số tiền là 199.500.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là phần chênh lệch giá trị tài sản yêu cầu chia; 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền nợ bà Đinh Thị D; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là số tiền nợ Hội cựu chiến binh thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Tổng cộng là 134.500.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn bà T thanh toán cho ông Đ số tiền 134.500.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày 06/8/2018;

+ Số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện N, bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ, khi đến hạn trả nợ gốc theo hợp đồng vay, để ông Đ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tài sản bà Đinh Thị T được thừa hưởng gồm:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 36, diện tích 918m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 112719 cấp ngày 19/12/2002, tọa lạc tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K, thửa đất mang tên hộ ông Đinh Thanh Đ. Trên thửa đất xây bao một ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 25m^2. Tổng trị giá nhà và đất là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 37, diện tích 21.186m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 957532 cấp ngày 28/11/2001, tọa lạc tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K, thửa đất mang tên hộ ông Đinh Thanh Đ. Trên đất đã trồng 900 Cao su và 200 cây Cà phê. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 98, diện tích 12.430m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 260591, cấp ngày 24/3/2015, tọa lạc tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K, thửa đất mang tên hộ ông Đinh Thanh Đ bà Đinh Thị T. Trên đất đã trồng 400 cây Cà phê. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

* Bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả cho:

+ Ngân hàng N Chi nhánh huyện N, tỉnh K, số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ.

+ Ngân hàng C– Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện N, tỉnh K, toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ.

* Ông Đinh Thanh Đ có trách nhiệm trả cho:

+ Bà Đinh Thị D số tiền 32.500.000đ (Ba hai triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Ngân hàng C – Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện N, tỉnh K, số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) khi đến hạn trả nợ gốc.

+ Hội cựu Chiến binh thôn N, xã Đ, huyện N số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26, điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết UBTV Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Ông Đinh Thanh Đ phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nay chuyển số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong tổng số tiền ông Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 25.489.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Đinh Thanh Đ 22.914.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2014/0001954, ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Bà Đinh Thị T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 23.992.500đ (Hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chề thi hành án, theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi;
- UBND xã T, huyện. N,tỉnh N;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Bá Khen